

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2020/KDTM-PT

Ngày 04/3/2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huân và ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2020/TLPT-KDTM, ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2019/KDTM-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Địa chỉ trụ sở: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu T. Địa chỉ: Số 170 đường NC, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Đại diện theo pháp luật: Ông JC – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH D.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh D1 (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: Km7, Quốc lộ 26, phường TH1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn: Luật sư H – Văn Phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cục thuế tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C – Chức vụ: Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công Z (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 12 đường LT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Lê Hữu T trình bày:

Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn (Sau đây gọi tắt là Công ty TNHH) H và Công ty TNHH D có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau từ năm 2007 và ký nhiều hợp đồng mua bán cả phê. Theo mỗi hợp đồng mua bán thì phía Công ty D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty H 5% thuế giá trị gia tăng (Viết tắt là thuế GTGT). Đến ngày 31/9/2013 giữa Công ty TNHH H và Công ty TNHH D có ký biên bản đối chiếu công nợ thì phía Công ty TNHH D còn nợ Công ty TNHH H số tiền 286.550.000 đồng tiền thuế GTGT. Nay phía Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả 286.550.000 đồng tiền thuế GTGT và tiền lãi tính từ ngày 31/9/2013 với lãi suất 0.05% cho đến khi trả nợ xong.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH D ông Nguyễn Anh D1 trình bày:

Công ty TNHH H và Công ty TNHH D có ký các hợp đồng mua bán cả phê cụ thể: Hợp đồng số 74/05/HĐ ngày 16/5/2013 với số tiền 2.784.600.000 đồng, hợp đồng số 80/05/HĐMB ngày 16/5/2013 với số tiền 452.550.000 đồng, hợp đồng số 85/05/HĐMB ngày 16/5/2013 với số tiền 1.856.400.000 đồng, hợp đồng số 91/05/HĐMB ngày 17/5/2013 với số tiền 924.000.000 đồng.

Căn cứ vào điểm 4.2 Điều 4 của các hợp đồng nêu trên thì phía Công ty D có nghĩa vụ hoàn lại tiền thuế GTGT là 5% giá trị của hợp đồng sau khi nhận được tiền hoàn thuế của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk. Giữa Công ty D còn nợ Công ty H số tiền thuế GTGT 286.550.000 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/9/2013. Tuy nhiên, phía Cục thuế tỉnh Đắk Lắk chưa hoàn thuế lại cho Công ty D nên Công ty chưa trả số tiền thuế trên cho Công ty H.

Căn cứ vào Điều 319 Luật thương mại thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp đòi với vụ án trên là 02 năm, vì vậy đã hết thời hiệu khởi kiện tại Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phía bị đơn có quan điểm khi nào phía Cục thuế tỉnh Đắk Lắk hoàn trả lại tiền thuế thì Công ty D hoàn trả toàn bộ số tiền thuế cho Công ty H và không đồng ý trả tiền lãi.

Đại diện theo ủy quyền của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk ông Nguyễn Công Z trình bày: Công ty TNHH D có đề nghị Cục thuế tỉnh Đắk Lắk hoàn trả tiền thuế GTGT kỳ tính thuế tháng 5/2013 theo giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước số 08/DM 12-13 ngày 10/6/2013, trong đó có số tiền thuế GTGT đầu vào 286.550.000 đồng, các hóa đơn mua hàng của Công ty TNHH H. Đối với số tiền thuế này, Cục thuế tỉnh Đắk Lắk có công văn số 157/TB-CT về việc thông báo số thuế chưa hoàn gửi Công ty TNHH D vì Công ty TNHH H không có dấu hiệu mua bán và đã đình chỉ sử dụng hóa đơn, đã chuyển hồ sơ qua Công an (Theo công văn số 137/CV-CCT ngày 19/6/2013 của Chi cục thuế huyện Đ)

Theo tài liệu thu thập được tại Công văn số 338/CSĐT-PC03 ngày 16/01/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Nông gửi Cục thuế tỉnh Đắk Nông về kết quả điều tra xác minh sai phạm trong lĩnh vực thuế đối với Công ty TNHH H, Ngày 28/8/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông ra quyết định số 41 về việc giải quyết tin báo Công ty TNHH H có dấu hiệu sử dụng hóa đơn GTGT của các doanh nghiệp đã có thông báo ngừng hoạt động (có dấu hiệu mua bán hoá đơn GTGT không). Kết quả xác minh xác định Công ty TNHH H có dấu hiệu sử dụng hoá đơn GTGT không của doanh nghiệp tư nhân Phát Thành Gia Lai, Doanh nghiệp tư nhân Tâm Nguyên Gia Lai, Doanh nghiệp tư nhân Linh An Gia Lai gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, số tiền thuế 12.224.724.213

đồng. Vụ việc trên có dấu hiệu tội phạm trốn thuế. Nay Cục thuế tỉnh Đắk Lắk chưa nhận được kết luận của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Đ nên chưa có căn cứ pháp lý giải quyết số tiền thuế GTGT cho Công ty TNHH D.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2019/KDTM-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 184; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

- Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H.

Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán số tiền thuế giá trị gia tăng còn nợ là 286.550.000 đồng, tiền lãi 32.389.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 318.389.000 đồng cho Công ty TNHH H.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tính lãi suất kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/11/2019, Công ty TNHH D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày: Căn cứ điểm 4.2 Điều 4 của các hợp đồng thì phía Công ty D có nghĩa vụ hoàn lại tiền thuế GTGT là 5% giá trị của hợp đồng sau khi nhận được tiền hoàn thuế của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên, cho tới nay Cục thuế tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa hoàn thuế cho Công ty D, nên công ty chưa thể hoàn lại tiền thuế GTGT là 5% giá trị hợp đồng. Như vậy Công ty D không vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty H và Công ty D, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty D, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

****Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về hình thức kháng nghị: Đảm bảo thời hạn và hình thức theo quy định của pháp luật nên có căn cứ xem xét và giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ vào Mục 4.2 Điều 4 của hợp đồng mua bán giữa Bên A (Cty TNHH D) với Bên B (Cty TNHH H) và căn cứ Công văn 157/TB-CT của Cục thuế Đắk Lắk thì việc Công ty D chưa trả khoản tiền hoàn thuế vì Cục Thuế Đắk Lắk chưa thực hiện hoàn thuế cho Công ty Đắk Man theo quy định, trong vụ án này lỗi để hợp đồng không được hoàn thành là do bên thứ 3 cụ thể là Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, bên bị đơn hoàn toàn không có lỗi làm cho hợp đồng không được hoàn thành. Vì vậy, trong trường hợp này cần xác định là đương sự chưa đủ điều kiện để khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH D được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn Công ty D, thì thấy: Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D phải trả lại tiền hoàn thuế GTGT 5% tho giá trị các hợp đồng mà các bên đã ký kết trong quá trình giao dịch mua bán hàng hóa. Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột đã thụ lý giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền hoàn thuế mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán là không đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ: Theo các Hợp đồng mua bán giữa Công ty TNHH H và công ty TNHH D Việt Nam, tại điểm 4.2 Điều 4 quy định: “...*Tiền thuế GTGT sẽ được thanh toán sau khi bên A (Cty Đắk Man) nhận được tiền hoàn thuế và muợn nhất vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp so với ngày tháng bên B (Cty H) xuất hóa đơn cho bên A*”.

Tuy nhiên, cho đến nay Cục thuế tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa hoàn thuế cho Công ty D theo quy định. Tại công văn 157/TB-CT của Cục thuế Đắk Lắk đã trả lời việc chưa hoàn thuế cho Công ty TNHH D là vì lý do: Công ty TNHH H đang bị Cơ quan công an điều tra về hành vi mua bán, sử dụng hóa đơn GTGT không của các Doanh nghiệp khác, vụ việc đang được điều tra, làm rõ và Cục thuế Đắk Lắk chưa nhận được kết luận điều tra của Cơ quan điều tra, nên chưa có căn cứ để giải quyết số tiền thuế cho Công ty D.

Như vậy, căn cứ vào Mục 4.2 Điều 4 của hợp đồng mua bán giữa Bên A (Cty TNHH D) với Bên B (Cty TNHH H) và căn cứ Công văn 157/TB-CT của Cục thuế Đắk Lắk thì việc Công ty D chưa trả khoản tiền hoàn thuế cho Công ty TNHH H, là vì Cục Thuế Đắk Lắk chưa thực hiện hoàn thuế cho Công ty D theo quy định. Vì vậy, trong trường hợp này cần xác định là đương sự chưa đủ điều kiện để khởi kiện. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ vào khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 để đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn kiện mới đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm và cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 309 Luật thương mại năm 2005 để đình chỉ vụ án, trả lại đơn khởi kiện là không đúng, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Bởi lẽ, đối tượng khởi kiện trong vụ án này là “số tiền hoàn thuế” đang bị phụ thuộc bởi bên thứ ba là Cục thuế tỉnh Đắk Lắk, chứ không phải lỗi của một trong các bên đương sự. Vì vậy, nếu áp dụng thời hiệu là 02 năm để đình chỉ thì sẽ làm mất quyền khởi kiện của các đương sự, khi họ có đủ điều kiện khởi kiện lại vụ án.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH D. Áp dụng 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy Bản án

KDTM sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Căn cứ khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, khi có đủ điều kiện khởi kiện, Công ty trách nhiệm hữu hạn H có thể khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên Công ty D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 272; 273; khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn D, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2019/KDTM-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết vụ án do Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Căn cứ khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, khi có đủ điều kiện khởi kiện, Công ty trách nhiệm hữu hạn H có thể khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 18; khoản 2 Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn H và Công ty trách nhiệm hữu hạn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.165.000 đồng do ông Lê Hữu T nộp theo biên lai số AA/2017/0011682 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Về án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005363 ngày 29/11/2019.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Kim Khánh